

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2025

**THÔNG BÁO**  
**TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025**

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 666/QĐ-HVNG ngày 23/09/2021 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Ngoại giao.

Căn cứ Đề án tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2025 và Kế hoạch tuyển sinh sau đại học năm 2025, Học viện Ngoại giao thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025 như sau:

**I. Chuyên ngành đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian và hình thức đào tạo**

**1. Chuyên ngành và chỉ tiêu tuyển sinh đợt 2 năm 2025**

- Quan hệ quốc tế, mã số: 8310206; chỉ tiêu tuyển sinh: 58/100
- Luật quốc tế, mã số: 8380108; chỉ tiêu tuyển sinh: 25/30
- Kinh tế quốc tế, mã số: 8310106; chỉ tiêu tuyển sinh: 24/30
- Truyền thông quốc tế: 8320107; chỉ tiêu tuyển sinh: 12/30

**2. Thời gian đào tạo: 24 tháng**

**3. Hình thức đào tạo: Chính quy**

**II. Đối tượng và điều kiện dự tuyển**

**1. Đối tượng là công dân Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau**

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.

b) Đã học bổ sung kiến thức đối với những trường hợp tốt nghiệp đại học hoặc trình độ tương đương trở lên ngành phù hợp với chuyên ngành dự thi trình độ thạc sĩ (xem tại Phụ lục 1).



c) Lý lịch bản thân rõ ràng và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

d) Có đủ sức khỏe để học tập.

e) Người dự tuyển nếu có bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

f) Yêu cầu về ngoại ngữ: Có một trong các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ như sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học do Học viện Ngoại giao cấp trong thời gian không quá 02 năm;
- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (*xem tại Phụ lục 2*).

g) Người dự tuyển không đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ phải tham gia đánh giá năng lực ngoại ngữ do Học viện tổ chức.

## **2. Đối tượng dự tuyển là công dân nước ngoài**

Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

## **III. Danh mục ngành phù hợp của từng chương trình đào tạo và việc học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển**

1. Danh mục ngành phù hợp của từng chương trình đào tạo (*xem tại Phụ lục 1*).

2. Căn cứ vào quy định của chương trình đào tạo, Giám đốc Học viện quyết định về các trường hợp phải học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển.

#### **IV. Quy định về đối tượng dự tuyển chương trình định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng**

1. Ứng viên đăng ký dự tuyển **chương trình định hướng nghiên cứu** cần đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

- Bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp thuộc nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3 (nhóm 1 và nhóm 2 đối với chuyên ngành Luật quốc tế), có xếp hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

- Bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp thuộc nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3 (nhóm 1 và nhóm 2 đối với chuyên ngành Luật quốc tế) do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp mà không có xếp hạng tốt nghiệp và không có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu, Học viện sẽ căn cứ Mục 5, Điều 10 Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học để đánh giá mức xếp hạng tốt nghiệp tương đương từ khá trở lên.

2. Ứng viên đăng ký dự tuyển **chương trình định hướng ứng dụng** cần đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

- Bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp thuộc nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3, có xếp hạng tốt nghiệp dưới Khá và không có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

- Bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp nhóm 4;

- Bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp theo chương trình đào tạo định hướng ứng dụng;

- Bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, không có xếp hạng tốt nghiệp và không có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu, Học viện sẽ căn cứ Mục 5, Điều 10 Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, để đánh giá mức xếp hạng tốt nghiệp tương đương dưới khá.

#### **V. Hồ sơ dự tuyển và thủ tục đăng ký dự tuyển**

## **1. Hồ sơ dự tuyển**

Hồ sơ dự tuyển bao gồm các giấy tờ sau:

- 1) Một (01) Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu);
- 2) Sơ yếu lý lịch (theo mẫu);
- 3) Một (01) bản sao có chứng thực các giấy tờ sau:
  - a. Bằng và bảng điểm tốt nghiệp đại học;
  - b. Bằng và bảng điểm đại học ngoại ngữ hoặc chứng chỉ ngoại ngữ;
  - c. Các văn bằng, chứng chỉ khác (nếu có);
  - d. Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân;
- 4) Một (01) bản sao chứng nhận học bổ sung kiến thức (nếu có);
- 5) Minh chứng các giải thưởng nghiên cứu khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học và bài báo được công bố của thí sinh gồm: bản sao có chứng thực đối với giải thưởng nghiên cứu khoa học; giấy xác nhận là chủ nhiệm hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học của cơ quan có thẩm quyền; bản sao trang bìa tạp chí, trang mục lục và các trang toàn bài đối với bài báo (nếu có);
- 6) Hai (02) ảnh màu cỡ 3x4 (ghi rõ họ tên và ngày sinh của thí sinh vào mặt sau);
- 7) Giấy chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các văn bằng tốt nghiệp đại học do các trường đại học nước ngoài cấp (không yêu cầu đối với các văn bằng thuộc diện “Hiệp định công nhận tương đương về văn bằng giáo dục đại học”);
- 8) Bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động để minh chứng về thâm niên công tác (yêu cầu đối với đối tượng xét tuyển/ thi tuyển tốt nghiệp ngành phù hợp nhóm 4);
- 9) Công văn cử đi dự tuyển của thủ trưởng cơ quan quản lý (yêu cầu đối với đối tượng thi tuyển tốt nghiệp ngành phù hợp nhóm 4);
- 10) Bản sao có chứng thực giấy tờ để minh chứng về đối tượng ưu tiên (Căn cước công dân, sổ hộ khẩu, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền) (nếu có).

## **2. Thủ tục đăng ký dự tuyển**

Thí sinh đăng ký dự tuyển, nộp hồ sơ đăng ký và lệ phí dự tuyển theo hình thức trực tiếp tại Phòng Đào tạo sau đại học, Học viện Ngoại giao.

*(Lưu ý: Hồ sơ và lệ phí dự thi không hoàn lại sau khi đã nộp).*

## **VI. Kế hoạch và phương thức tuyển sinh**

### **1. Kế hoạch tuyển sinh**

- Thông báo tuyển sinh: 15/08/2025
- Phát hành hồ sơ tại Website của Học viện Ngoại giao: 15/08/2025
- Thời gian nhận hồ sơ: đến 17h00 ngày 30/10/2025
- Học bổ sung kiến thức: 15/09/2025 – 24/10/2025
- Lịch ôn tập (*dự kiến*): 03/11/2025 – 16/11/2025
- Lịch xét tuyển (*dự kiến*): 17/11/2025 – 21/11/2025
- Thời gian thi tuyển (*dự kiến*): 30/11/2025

### **2. Phương thức tuyển sinh**

#### **2.1. Xét tuyển**

a) Chỉ tiêu xét tuyển: 30% chỉ tiêu tuyển sinh

b) Điều kiện xét tuyển:

- Ứng viên đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp trình độ đại học ngành phù hợp nhóm 1 có xếp hạng tốt nghiệp từ giỏi trở lên, hình thức đào tạo chính quy.

- Có một trong các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định tại mục II.

#### **2.2. Thi tuyển**

a) Chỉ tiêu thi tuyển: 70% chỉ tiêu tuyển sinh

b) Điều kiện thi tuyển:

- Thí sinh đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp trình độ đại học ngành phù hợp, không thuộc đối tượng xét tuyển được quy định tại Mục 2.1 hoặc ngoài chỉ tiêu xét tuyển thì tham gia thi tuyển theo hình thức phỏng vấn.

- Thí sinh không đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ phải tham gia đánh giá năng lực ngoại ngữ do Học viện tổ chức.

c) Môn thi tuyển

- Chuyên ngành Quan hệ quốc tế: Triết học, Chính trị quốc tế;

- Chuyên ngành Luật quốc tế: Triết học, Công pháp quốc tế;

- Chuyên ngành Kinh tế quốc tế: Kinh tế học, Kinh tế quốc tế;

- Chuyên ngành Truyền thông quốc tế: Triết học, Truyền thông quốc tế.

d) Hình thức thi tuyển: Phỏng vấn trực tiếp.

## **VII. Mức học phí, dịch vụ tuyển sinh**

### **1. Mức thu học phí**

Học phí được xác định căn cứ theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021. Mức học phí áp dụng đối với đào tạo thạc sĩ được tính gấp 1,5 lần học phí đào tạo đại học.

### **2. Mức thu phí dịch vụ tuyển sinh**

- Lệ phí đăng ký dự thi/xét tuyển: 200.000 đồng/hồ sơ.
- Lệ phí xét tuyển: 500.000 đồng/ hồ sơ.
- Lệ phí thi tuyển: 500.000 đồng/ hồ sơ.
- Lệ phí thi đánh giá năng lực ngoại ngữ: 500.000 đồng/ hồ sơ.

## **VIII. Đối tượng ưu tiên và chính sách ưu tiên**

Đối tượng ưu tiên và chính sách ưu tiên thực hiện theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và đào tạo.

## **IX. Thông tin liên hệ**

Phòng Đào tạo sau đại học, Ban Đào tạo đại học và sau đại học, Học viện Ngoại giao

Phòng D501 nhà D, số 69 Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội

Hotline: 0898.634.436 Email: dtsdh@dav.edu.vn

Website: www.dav.edu.vn/.#

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu: HCTH, SDH.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hùng Sơn**

**PHỤ LỤC 1**  
**DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP**  
**VÀ CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG KIẾN THỨC TRƯỚC KHI DỰ THI**  
**TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 839/QĐ-HVNG ngày 11 tháng 06 năm 2025  
của Giám đốc Học viện Ngoại giao)

**I. CHUYÊN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ**

**1. Ngành phù hợp nhóm 1**

- Quan hệ quốc tế.

**2. Ngành phù hợp nhóm 2:**

- *Nhóm ngành Khoa học chính trị (73102)*: Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước.

- *Nhóm ngành Khu vực học (73106)*: Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Châu Á - Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Hoa kỳ học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.

**3. Ngành phù hợp nhóm 3:**

- *Lĩnh vực Nhân văn (722)*: nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài (72202) và các ngành Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa.

- *Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi (731)*: các ngành còn lại trong lĩnh vực này.

- *Lĩnh vực Báo chí và thông tin (732)*: Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng.

- *Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý (734)*: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Khoa học quản lý.

- *Lĩnh vực Pháp luật (738)*: Luật quốc tế, Luật thương mại quốc tế.

**4. Ngành phù hợp nhóm 4:**

- Các ngành đào tạo không thuộc 3 nhóm nêu trên. Người dự tuyển có ngành tốt nghiệp thuộc ngành phù hợp nhóm 4 phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Trong chương trình đào tạo ở trình độ đại học của thí sinh có học phần liên quan đến khối kiến thức chuyên ngành ở trình độ đại học của ngành Quan hệ quốc tế;
- Có thâm niên công tác tối thiểu 2 năm trong lĩnh vực liên quan đến ngành đăng ký dự thi;
- Được cơ quan cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ để phục vụ cho công tác chuyên môn.

Học viện sẽ thành lập Hội đồng xét hồ sơ dự tuyển để đánh giá mức độ phù hợp của Hồ sơ dự tuyển với ngành Quan hệ quốc tế.

**5. Chương trình bổ sung kiến thức ngành Quan hệ quốc tế**

- Đối tượng ngành phù hợp nhóm 1 không phải học chương trình bổ sung kiến thức.

- Đối tượng ngành phù hợp nhóm 2,3,4 học chương trình bổ sung kiến thức theo khung chương trình sau:

**Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 2**

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Lý luận quan hệ quốc tế	3
2	Quản trị toàn cầu	3
3	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay	3
4	Chính trị quốc tế hiện đại	3

**Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 3 và 4**

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại	3
2	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay	3
3	Quan hệ kinh tế quốc tế	3
4	Công pháp quốc tế	3
5	Lý luận quan hệ quốc tế	3
6	Quản trị toàn cầu	3
7	Chính trị quốc tế hiện đại	3

Trong trường hợp thí sinh đã học ở trình độ đại học bất cứ học phần nào trong chương trình bổ sung kiến thức (thể hiện qua tên gọi và nội dung trong Bảng điểm đại học) sẽ được Học viện xem xét miễn học môn học đó./.

## II. CHUYÊN NGÀNH LUẬT QUỐC TẾ

### 1. Ngành phù hợp nhóm 1

- Luật quốc tế.

### 2. Ngành phù hợp nhóm 2

*Nhóm ngành Luật (73801):* Luật, Luật hiến pháp và luật hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật kinh tế, Luật thương mại quốc tế.

### 3. Ngành phù hợp nhóm 3

*Các ngành do Học viện Ngoại giao đào tạo gồm:* Quan hệ quốc tế, Kinh tế quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Truyền thông quốc tế, Ngôn ngữ Anh, Châu Á - Thái Bình Dương học.

- *Các ngành thuộc lĩnh vực An ninh, quốc phòng (786):* thí sinh được cơ quan cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ để phục vụ cho nhiệm vụ chính trị và công tác chuyên môn.

- Các ngành đào tạo không thuộc nhóm 1 và nhóm 2 nêu trên. Người dự tuyển có ngành tốt nghiệp thuộc ngành phù hợp nhóm 3 phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Trong chương trình đào tạo ở trình độ đại học của thí sinh có học phần liên quan đến khối kiến thức chuyên ngành ở trình độ đại học của ngành Luật quốc tế;
- Có thâm niên công tác tối thiểu 2 năm trong lĩnh vực liên quan đến ngành đăng ký dự thi;
- Được cơ quan cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ để phục vụ cho công tác chuyên môn.

Học viện sẽ thành lập Hội đồng xét hồ sơ dự tuyển để đánh giá mức độ phù hợp của Hồ sơ dự tuyển với ngành Luật quốc tế.

### 5. Chương trình bổ sung kiến thức ngành Luật quốc tế

- Đối tượng ngành phù hợp nhóm 1 không phải học chương trình bổ sung kiến thức.
- Đối tượng ngành phù hợp nhóm 2,3 học chương trình bổ sung kiến thức theo khung chương trình sau:

#### **Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 2**

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Công pháp quốc tế	3
2	Tư pháp quốc tế	3
3	Luật tổ chức quốc tế	3
4	Luật điều ước quốc tế	3

#### **Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 3**

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay	3
2	Quan hệ kinh tế quốc tế	3
3	Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam	3
4	Công pháp quốc tế	3
5	Tư pháp quốc tế	3
6	Luật tổ chức quốc tế	3
7	Luật điều ước quốc tế	3

Trong trường hợp thí sinh đã học ở trình độ đại học bất cứ học phần nào trong chương trình bổ sung kiến thức (thể hiện qua tên gọi và nội dung trong Bảng điểm đại học) sẽ được Học viện xem xét miễn học môn học đó./.

### **III. CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ**

#### **1. Ngành phù hợp nhóm 1**

- Kinh tế quốc tế.

#### **2. Ngành phù hợp nhóm 2**

- *Nhóm ngành Kinh tế học (73101)*: Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Kinh tế số, Quản lý kinh tế.

- *Nhóm ngành Kinh doanh (73401)*: Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may.

#### **3. Ngành phù hợp nhóm 3**

- *Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi (731)*: các ngành còn lại trong lĩnh vực này.
- *Lĩnh vực Báo chí và thông tin (732)*: Truyền thông quốc tế, Kinh doanh xuất bản phẩm.
- *Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý (734)*: các ngành còn lại trong lĩnh vực này.
- *Lĩnh vực Pháp luật (738)*: Luật quốc tế, Luật Kinh tế, Luật thương mại quốc tế.
- *Các lĩnh vực khác*:
  - *Nhóm ngành Quản lý công nghiệp (75106)*: Quản lý công nghiệp, Kinh tế công nghiệp, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.

- *Nhóm ngành Quản lý xây dựng (75803)*: Kinh tế xây dựng, Quản lý xây dựng.
- *Nhóm ngành Nông nghiệp (76201)*: Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp.
- *Nhóm ngành Du lịch (78101)*: Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.
- *Nhóm ngành Khách sạn, nhà hàng (78102)*: Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống.
- *Nhóm ngành Kinh tế gia đình (78105)*: Kinh tế gia đình.
- *Nhóm ngành Khai thác vận tải (78401)*: Kinh tế vận tải.
- *Nhóm ngành Quản lý tài nguyên và môi trường (78501)*: Quản lý tài nguyên và môi trường, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản lý đất đai.

#### 4. Ngành phù hợp nhóm 4

- Các ngành đào tạo không thuộc 3 nhóm nêu trên. Người dự tuyển có ngành tốt nghiệp thuộc ngành phù hợp nhóm 4 phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Trong chương trình đào tạo ở trình độ đại học của thí sinh có học phần liên quan đến khối kiến thức chuyên ngành ở trình độ đại học của ngành Kinh tế quốc tế;
- Có thâm niên công tác tối thiểu 2 năm trong lĩnh vực liên quan đến ngành đăng ký dự thi;
- Được cơ quan cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ để phục vụ cho công tác chuyên môn.

Học viện sẽ thành lập Hội đồng xét hồ sơ dự tuyển để đánh giá mức độ phù hợp của Hồ sơ dự tuyển với ngành Kinh tế quốc tế.

#### 5. Chương trình bổ sung kiến thức ngành Kinh tế quốc tế

- Đối tượng ngành phù hợp nhóm 1 không phải học chương trình bổ sung kiến thức.
- Đối tượng ngành phù hợp nhóm 2,3,4 học chương trình bổ sung kiến thức theo khung chương trình sau:

##### Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 2

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Quan hệ kinh tế quốc tế	3
4	Kinh tế phát triển	3

##### Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 3 và 4

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại	3
2	Quan hệ kinh tế quốc tế	3
3	Công pháp quốc tế	3
4	Kinh tế vi mô	3
5	Kinh tế vĩ mô	3
6	Kinh tế đối ngoại Việt Nam	3
7	Kinh tế phát triển	3

Trong trường hợp thí sinh đã học ở trình độ đại học bất cứ học phần nào trong chương trình bổ sung kiến thức (thể hiện qua tên gọi và nội dung trong Bảng điểm đại học) sẽ được Học viện xem xét miễn học môn học đó./.

#### **IV. CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ**

##### **1. Ngành phù hợp nhóm 1**

- Truyền thông quốc tế.

##### **2. Ngành phù hợp nhóm 2**

- *Nhóm ngành Báo chí và Truyền thông (73201)*: Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Quan hệ công chúng.

##### **3. Ngành phù hợp nhóm 3**

- *Lĩnh vực Nhân văn (722)*: nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài (72202) và các ngành Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa.

- *Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi (731)*: nhóm ngành Kinh tế học (73101), nhóm ngành Khoa học chính trị (73102) và nhóm ngành Khu vực học (73106).

- *Lĩnh vực Báo chí và thông tin (732)*: các ngành còn lại trong lĩnh vực này.

- *Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý (734)*: Quản trị kinh doanh, Marketing, Kinh doanh quốc tế và nhóm ngành Quản trị-Quản lý (73404).

- *Lĩnh vực Pháp luật (738)*: Luật quốc tế, Luật thương mại quốc tế.

##### **4. Ngành phù hợp nhóm 4**

- Các ngành đào tạo không thuộc 3 nhóm nêu trên. Người dự tuyển có ngành tốt nghiệp thuộc ngành phù hợp nhóm 4 phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Trong chương trình đào tạo ở trình độ đại học của thí sinh có học phần liên quan đến khối kiến thức chuyên ngành ở trình độ đại học của ngành Truyền thông quốc tế;
- Có thâm niên công tác tối thiểu 2 năm trong lĩnh vực liên quan đến ngành đăng ký dự thi;
- Được cơ quan cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ để phục vụ cho công tác chuyên môn.

Giám đốc Học viện Ngoại giao sẽ thành lập Hội đồng xét hồ sơ dự tuyển để đánh giá mức độ phù hợp của Hồ sơ dự tuyển với ngành Truyền thông quốc tế.

##### **5. Chương trình bổ sung kiến thức ngành Truyền thông quốc tế**

- Đối tượng ngành phù hợp nhóm 1 không phải học chương trình bổ sung kiến thức.

- Đối tượng ngành phù hợp nhóm 2,3,4 học chương trình bổ sung kiến thức theo khung chương trình sau:

##### **Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 2**

<b>STT</b>	<b>Môn học</b>	<b>Tín chỉ</b>
1	Đại cương Truyền thông quốc tế	3
2	Truyền thông đa phương tiện	3

3	Truyền thông đối ngoại	3
4	Quản trị toàn cầu	3

**Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 3 và 4**

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay	3
2	Quan hệ kinh tế quốc tế	3
3	Công pháp quốc tế	3
4	Đại cương Truyền thông quốc tế	3
5	Truyền thông đa phương tiện	3
6	Truyền thông đối ngoại	3
7	Quản trị toàn cầu	3

Trong trường hợp thí sinh đã học ở trình độ đại học bất cứ học phần nào trong chương trình bổ sung kiến thức (thể hiện qua tên gọi và nội dung trong Bảng điểm đại học) sẽ được Học viện xem xét miễn học môn học đó./.

**PHỤ LỤC 2**

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI  
NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC  
DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH  
ĐỘ THẠC SĨ**

*(Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và  
Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ)*

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2